TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. C, ngày 20 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân - gia đình thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Lê Văn S, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú: Khu Phố Mỹ Khoan, thị trấn H, huyện T, tỉnh N.

Địa chỉ tạm trú: Số 243, đường Q, tổ 46, khóm Mỹ Tây, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

2. Chị Trần Thị M, sinh năm 1995.

Địa chỉ thường trú: Khu Phố Mỹ Khoan, thị trấn H, huyện T, tỉnh N. Địa chỉ tạm trú: Số 09, khu phố 6, phường M, thành phố M, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị M kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 04/10/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 4/2020, khoảng thời gian xa nhau vợ chồng có tìm cách hàn gắn lại tình cảm nhưng không thành. Nay anh S và chị M thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo Y, sinh ngày 14/12/2018, con chung đang sống với chị M. Anh S và chị M thống nhất chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Bảo Y.

Về cấp dưỡng nuôi con : Anh Lê Văn S tự ngY cấp dưỡng con chung, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), cấp dưỡng từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai ược cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị M xác nhận không có.

[4]. Về nợ chung: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị M xác nhận không có.

[5]. Về lệ phí việc dân sự : Anh Lê Văn S và chị Trần Thị M tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị M thống nhất thuận tình ly hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đ).

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo Y, sinh ngày 14/12/2018, con chung đang sống với chị M. Anh S và chị M thống nhất chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Bảo Y.

Về cấp dưỡng nuôi con : Anh Lê Văn S tự ngY cấp dưỡng con chung, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), cấp dưỡng từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai ược cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị M xác nhận không có.

Về nợ chung: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị M xác nhận không có.

Về lệ phí việc dân sự : Anh Lê Văn S và chị Trần Thị M tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng. Lệ phí việc dân sự được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009645, ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.